

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 509/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 03 tháng 9 năm 2014

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH GIA LAI	
Số: 1810	
Ngày: 06/9/2014	
chuyên	Về việc ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ về hội nhập quốc tế

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ về hội nhập quốc tế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;
Căn cứ Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 528/SCT-XNK&TMĐT ngày 06/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ về hội nhập quốc tế.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành ở tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- T/T Tỉnh ủy, T/T HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NV, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Công Lự

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ về hội nhập quốc tế
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 509 /QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh)

I. MỤC TIÊU

Triển khai đồng bộ, đầy đủ, nghiêm túc nội dung của Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về hội nhập quốc tế.

Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tích cực hội nhập quốc tế, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị.

Hội nhập quốc tế phải nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị; quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp, nâng cao vị thế, uy tín của tỉnh; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân, các ngành, các cấp, trách nhiệm của các thành viên Ban hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh trong việc chủ động chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Để đạt được mục tiêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Sở, ban, ngành cần triển khai thực hiện các nội dung công việc sau:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về hội nhập quốc tế

a) Tiếp tục tuyên truyền và phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về hội nhập quốc tế đến các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức và người dân tại địa phương dưới nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng.

b) Phổ biến kiến thức về các rào cản kỹ thuật thương mại, các Hiệp định thương mại song phương, đa phương của Việt Nam đã ký kết và đang đàm phán với các quốc gia, các khu vực trên thế giới; chiến lược tham gia các thỏa thuận thương mại tự do đến năm 2020, các cơ hội và thách thức của Việt Nam khi hội nhập sâu với kinh tế thế giới.

c) Tăng cường công tác thông tin, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; xây dựng các dự án kêu gọi thu hút đầu tư vào tỉnh, nghiên cứu các chính sách ưu đãi hỗ trợ của tỉnh đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực tỉnh ưu tiên phát triển.

2. Cơ chế chính sách và cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế

a) Tiếp tục triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách Tư pháp theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2015 và Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

b) Tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân tỉnh nhằm bỏ những quy định chồng chéo, không phù hợp với các cam kết quốc tế, góp phần tăng cường công tác kêu gọi, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực tại địa phương, trên cơ sở đó tham mưu Ủy ban nhân ban hành những văn bản phù hợp với tình hình phát triển tại địa phương.

c) Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh người và phương tiện.

d) Rà soát các cơ chế chính sách hiện có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh; vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách của Trung ương; đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương; nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

e) Hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới công nghệ; có chính sách ưu tiên cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp nông thôn nhằm hình thành nền nông nghiệp hàng hóa có chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh cao.

f) Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên cơ sở thực hiện Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức; thực hiện đồng bộ hiệu quả chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011-2020; đề xuất các giải pháp đẩy mạnh công tác dạy nghề, đào tạo lao động, giải quyết việc làm cho người lao động,... nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh thời kỳ hội nhập

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động thực hiện đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Đẩy mạnh thực hiện các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ, tập trung thực hiện các cơ chế chính sách thúc đẩy nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, chú trọng hỗ trợ và phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm, mở rộng thị trường nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao năng lực cạnh tranh.

d) Xây dựng kế hoạch phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh, định hướng mở rộng thị trường xuất khẩu phù hợp với chiến lược xuất khẩu của Bộ Công Thương và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2015-2020.

e) Chú trọng phát triển công nghệ thông tin làm nền tảng thực hiện hiện đại hóa các ngành kinh tế, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện

đại hóa của tỉnh. Thực hiện và đánh giá kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2011-2015; xây dựng và triển khai kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn giai đoạn 2016-2020.

f) Tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011-2015; xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2020.

g) Tiến hành rà soát, đánh giá năng lực Hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh theo các tiêu chí của Chỉ số năng lực Hội nhập kinh tế quốc tế cấp địa phương, do Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế công bố hàng năm; đề xuất các giải pháp, chương trình đẩy mạnh công tác Hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh trong thời gian đến.

4. Cải thiện môi trường đầu tư

a) Tiếp tục rà soát và triển khai các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào tỉnh nhằm thu hút vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp phép đầu tư đối với các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh; thực hiện các giải pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp cả về số lượng, quy mô và chất lượng.

c) Triển khai thực hiện tốt các chính sách, cơ chế đầu tư vốn tín dụng của Chính phủ cho các tổ chức, cá nhân để phục vụ sản xuất kinh doanh như cho vay chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; cho vay sau thu hoạch, cho vay xây dựng chương trình quốc gia nông thôn mới,... Bám sát các lĩnh vực, dự án kêu gọi đầu tư và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hàng năm để đảm bảo vốn tín dụng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên vốn cho sản xuất kinh doanh, khu vực nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu.

5. Xây dựng kế hoạch hoạt động nhằm đảm bảo vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, ổn định an ninh trật tự, phòng tránh những tác động tiêu cực phát sinh trong quá trình Hội nhập kinh tế quốc tế

a) Xây dựng các phương án đấu tranh chống lại âm mưu diễn biến hoà bình của các lực lượng thù địch; tăng cường và mở rộng các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế với chính quyền và các lực lượng vũ trang các tỉnh giáp biên giới với Campuchia, Lào.

b) Chủ động xây dựng các phương án bảo vệ tuyệt đối các công trình trọng điểm, các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại địa phương.

c) Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự trên các lĩnh vực chính trị nội bộ, văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số,... nhất là đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, lợi dụng các vấn đề dân tộc tôn giáo, dân chủ nhân quyền để gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn của các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước.

6. Hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường, văn hóa xã hội, khoa học công nghệ và các lĩnh vực khác

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình số 61-CTr/TU ngày 21/4/2005 của Tỉnh ủy Gia Lai về “Chương trình của Ban thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”;

Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 20/5/2010 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động về bảo vệ đa dạng sinh học, an toàn sinh học giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/12/2012 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

b) Tổ chức triển khai các đề án, chương trình, dự án bảo vệ môi trường. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường. Kiểm tra, xử lý các vi phạm đối với các doanh nghiệp đã và đang gây ô nhiễm môi trường.

c) Xây dựng phương án, kế hoạch nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ xử lý chất thải môi trường hiện đại; thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, sản phẩm, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

d) Triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Gia Lai đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng; có cơ chế, chính sách để bảo tồn và phát huy giá trị của “Không gian văn hóa công nghệ Tây Nguyên”.

e) Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông như: Việc ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông, xây dựng các trạm BTS (trạm thu phát sóng di động) phù hợp với quy hoạch đô thị và mỹ quan đô thị, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc.

f) Khai thác lợi thế, thế mạnh của các ngành, lĩnh vực, các vùng để chú trọng phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; áp dụng công nghệ cao để giảm thiểu chi phí và nâng cao chất lượng, tăng giá trị sản phẩm và sức cạnh tranh của sản phẩm. Ưu tiên phát triển công nghệ sinh học, tập trung vào nghiên cứu và ứng dụng phục vụ phát triển nông lâm nghiệp, công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan

a) Sở Công Thương—cơ quan thường trực Ban hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh:

Có trách nhiệm tham mưu cho Trưởng ban hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh theo dõi tình hình, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương thực hiện chương trình; tập hợp những vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện tốt kế hoạch đề ra, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Giữ mối liên hệ thường xuyên, xây dựng kế hoạch làm việc với Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế, các Bộ, ngành liên quan để tiếp thu đầy đủ và triển khai kịp thời các chỉ đạo của Trung ương, các chính sách mới. Đồng thời căn cứ tình hình thực tế của địa phương để tham mưu và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình hành động, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, phát huy lợi thế sẵn có của tỉnh đáp ứng xu thế hội nhập.

b) Các Thành viên Ban Hội nhập Kinh tế quốc tế của tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan:

Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, các thành viên Ban hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan chủ động xây dựng kế hoạch, thời gian thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình, tiến độ triển khai thực hiện

nhiệm vụ ngành mình phụ trách, báo cáo về cơ quan Thường trực Ban Ban hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ liên quan đến công tác Hội nhập quốc tế của địa phương; đề xuất, tham mưu, phối hợp với Ban hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh thực hiện những nhiệm vụ liên quan nhằm đạt hiệu quả cao trong việc triển khai chương trình Hội nhập quốc tế của tỉnh. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Công Lự



**PHỤ LỤC
NHỮNG CÔNG VIỆC CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 509 /QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Công tác tuyên truyền phổ biến thông tin về Hội nhập quốc tế			
1.1	Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động đến các tổ chức Đảng các cấp, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan và doanh nghiệp	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, tx, tp	Năm 2014-2015
1.2	Thông tin tuyên truyền phổ biến kiến thức về Hội nhập kinh tế quốc tế, các cam kết hội nhập kinh tế của Việt Nam	Sở Công Thương	Đài PTTH tỉnh, Báo Gia Lai	Hàng năm
1.3	Thực hiện các chương trình truyền hình về Hội nhập quốc tế, quảng bá tiềm năng phát triển của tỉnh, giới thiệu văn hóa, con người Gia Lai	Đài PTTH tỉnh	Các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa TT&DL	Hàng năm
2	Cơ chế chính sách và cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế			
2.1	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh nhằm loại bỏ những quy định chồng chéo, không phù hợp với các cam kết quốc tế, tham mưu UBND tỉnh ban hành những văn bản phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, tx, tp	Hàng năm
2.2	Tiếp tục triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách Tư pháp theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ và Quyết định 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 về Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, tx, tp	Năm 2014, giai đoạn 2015-2020
2.3	Thực hiện cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh người và phương tiện	Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Hàng năm
2.4	Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên cơ sở thực hiện Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, tx, tp	Hàng năm
2.5	Thực hiện chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011-2020; đề xuất các giải pháp đẩy mạnh công tác dạy nghề, đào tạo lao động, giải quyết việc làm cho người lao động	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, tx, tp	Hàng năm
3	Cải thiện môi trường đầu tư			
3.1	Tiếp tục rà soát và triển khai các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào tỉnh nhằm thu hút vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, tx, tp	Năm 2014-2015, giai đoạn 2015-2020
3.2	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ và thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và thường xuyên đổi mới công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, tx, tp	Năm 2014-2015

3.3	Tăng cường công tác thông tin, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; xây dựng các dự án kêu gọi thu hút đầu tư vào tỉnh, nghiên cứu các chính sách ưu đãi hỗ trợ của tỉnh đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực tinh ưu tiên phát triển	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, tx, tp	Năm 2014, giai đoạn 2015-2020
4	Nâng cao năng lực cạnh tranh thời kỳ hội nhập			
4.1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững"	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các huyện, tx, tp	Năm 2014, giai đoạn 2015-2020
4.2	Triển khai hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh	Sở Công Thương	UBND các huyện, tx, tp	Hàng năm
4.3	Xây dựng kế hoạch phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh, định hướng mở rộng thị trường xuất khẩu phù hợp với chiến lược xuất khẩu của Bộ Công Thương và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn 2015-2020	Sở Công Thương		Năm 2014, giai đoạn 2015-2020
4.4	Thực hiện kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Gia Lai năm 2015, triển khai kế hoạch phát triển TMĐT giai đoạn 2016-2020	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, tx, tp	Năm 2015, giai đoạn 2016-2020
5	Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh			
5.1	Xây dựng các phương án đấu tranh chống lại âm mưu diễn biến hoà bình của các lực lượng thù địch; tăng cường và mở rộng các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế với chính quyền và các lực lượng vũ trang các tỉnh giáp biên giới với Campuchia, Lào	Công an tỉnh	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Hàng năm
6	Hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường, văn hóa xã hội, khoa học công nghệ và các lĩnh vực khác			
6.1	Xây dựng phương án, kế hoạch nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ xử lý chất thải môi trường hiện đại	Sở Khoa học và Công nghệ		Năm 2014, giai đoạn 2015-2020
6.2	Thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Gia Lai đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh; xây dựng cơ chế, chính sách để bảo tồn và phát huy giá trị của "Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên"	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, tx, tp	Năm 2014, giai đoạn 2015-2020
6.3	Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình số 61-CTr/TU ngày 21/4/2005 của Tỉnh ủy về "thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".	Sở Tài Nguyên và Môi trường		Năm 2014, giai đoạn 2015-2020
6.4	Thực hiện và đánh giá kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015; xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, tx, tp	Năm 2014, giai đoạn 2015-2020